

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI

Số: 46 /2026/NQ-HĐND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lào Cai, ngày 15 tháng 10 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Xác định phạm vi vành đai biên giới trên tuyến biên giới đất liền tỉnh Lào Cai

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Biên giới quốc gia số 06/2003/QH11;

Căn cứ Luật Biên phòng Việt Nam số 66/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 98/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 34/2014/NĐ-CP của Chính phủ về Quy chế khu vực biên giới đất liền nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 299/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 43/2015/TT-BQP của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 34/2014/NĐ-CP của Chính phủ về Quy chế khu vực biên giới đất liền nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 112/2025/TT-BQP;

Xét Tờ trình số 1488/TTr-UBND ngày 08 tháng 10 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai về dự thảo Nghị quyết xác định phạm vi vành đai biên giới trên tuyến biên giới đất liền tỉnh Lào Cai; Báo cáo thẩm tra số 471/BC-HĐND ngày 13 tháng 10 năm 2026 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết Xác định phạm vi vành đai biên giới trên tuyến biên giới đất liền tỉnh Lào Cai.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này xác định phạm vi vành đai biên giới trên tuyến biên giới đất liền tỉnh Lào Cai.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, hoạt động trong phạm vi vành đai biên giới trên tuyến đất liền tỉnh Lào Cai.

Điều 2. Xác định phạm vi vành đai biên giới

Phạm vi vành đai biên giới trên tuyến biên giới đất liền tỉnh Lào Cai có chiều sâu tính từ đường biên giới vào nội địa, khoảng cách nơi gần nhất là 100 m, nơi xa nhất là 400 m được xác định cụ thể tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 25 tháng 10 năm 2026.

2. Bãi bỏ Nghị quyết số 16/2020/NQ-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai về việc xác định phạm vi vành đai biên giới, vị trí cấm biển báo khu vực biên giới, vành đai biên giới trên tuyến biên giới đất liền tỉnh Lào Cai.

3. Số thứ tự 18 tiểu mục II.1 mục II Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai Về việc tiếp tục thực hiện, bãi bỏ một phần, bãi bỏ toàn bộ một số nghị quyết quy định về chính sách chi ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lào Cai hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai khóa XVII, Kỳ họp thứ 6 (kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 15 tháng 10 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Quốc phòng;
- Bộ Công an;
- Bộ Tư pháp;
- Bộ Ngoại giao;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đảng ủy HĐND tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT.HĐND, UBND các xã, phường;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, PC. ✓

CHỦ TỊCH



Hoàng Giang

Phụ lục
PHẠM VI VÀNH ĐAI BIÊN GIỚI
TRÊN TUYẾN BIÊN GIỚI ĐẤT LIỀN TỈNH LÀO CAI
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 46/2026/NQ-HĐND ngày 15/10/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai)

TT	TỌA ĐỘ		TỌA ĐỘ VN 2000	ĐỊA DANH	KHOẢNG CÁCH TỚI ĐƯỜNG BIÊN GIỚI	GHI CHÚ
	Hệ tọa độ PGCM (WGS 84)					
	Vĩ độ bắc	Kinh độ đông				
I	Xã Y Tý					
1	22°35'32,04"	103°31'47,71"	9874749092	Thôn Sim San, tiếp giáp tỉnh Lai Châu	300 m	
2	22°36'54,00"	103°33'04,09"	0178651500	Thôn Sim San	300 m	
3	22°37'55,94"	103°33'22,41"	0334252314	Thôn Sim San	300 m	
4	22°38'32,53"	103°34'24,77"	0463753450	Thôn Sim San	300 m	
5	22°38'55,71"	103°34'33,61"	0511053741	Thôn Sim San	300 m	
6	22°40'25,48"	103°34'42,68"	0818653868	Thôn Lao Chải	300 m	
7	22°41'22,55"	103°34'07,70"	0977053010	Thôn A Lù - Mốc 88(2)	300 m	
8	22°42'04,96"	103°33'59,74"	1124552590	Thôn Sáo Phìn Chư- Mốc 89(2)	300 m	
9	22°43'12,46"	103°34'12,72"	1252953379	Thôn Khoa Sán Chải - Mốc 89(2)	300 m	
10	22°43'08,69"	103°34'43,30"	1330253846	Thôn A Lù	300 m	
11	22°44'25,19"	103°35'45,90"	1564855936	Thôn A Lù	300 m	
II	Xã A Mú Sung					
12	22°44'40,80"	103°35'55,39"	1567155834	Thôn Phù Lao Chải	200 m	
13	22°45'04,40"	103°36'32,18"	1663957207	Ngã 3 đường tuần tra- Thôn Phù Lao Chải	200 m	
14	22°47'09,94"	103°37'58,65"	2048159757	Đường tuần tra thôn Lũng Pô	200 m	
15	22°46'20,66"	103°39'52,79"	1899962864	Ngã 3 TL 156 - đường Lũng Pô	200 m	
16	22°45'58,25"	103°40'11,64"	1826563439	Tỉnh lộ 156 thôn Lũng Pô	200 m	
17	22°44'50,42"	103°41'22,30"	1617865433	Tỉnh lộ 156 thôn Biên Hoà	200 m	
18	22°44'43,27"	103°41'38,23"	1484567573	Tỉnh lộ 156 thôn Biên Hoà	200 m	
19	22°43'45,27"	103°43'00,60"	1424868199	Tỉnh lộ 156 thôn Nậm Giang	200 m	
III	Xã Trịnh Tường					
20	22°42'16,98"	103°44'06,51"	1139870086	Ngã 3 thôn Phố Mới II - tỉnh lộ 156	200 m	
21	22°41'46,96"	103°44'40,66"	1045971050	Tỉnh lộ 156 - Thôn phố mới II	200 m	
22	22°41'33,98"	103°44'51,82"	1005571370	Tỉnh lộ 156 - Thôn phố mới I	200 m	
23	22°41'09,92"	103°45'18,85"	0936072097	Tỉnh lộ 156 - đường đi Tân Tiến	200 m	
24	22°41'16,75"	103°45'39,56"	0908673002	Đường bờ sông đầu thôn Tân Tiến	200 m	
25	22°40'46,74"	103°46'19,26"	0852973782	Đường bờ sông cuối thôn Tân Tiến	200 m	
26	22°40'02,04"	103°46'54,51"	0812774044	Đường Tân Giang ra đường bờ sông biên giới	200 m	
27	22°39'44,77"	103°47'25,67"	0780774415	Đường bờ sông đầu thôn Tân Giang	200 m	
28	22°39'13,78"	103°47'51,56"	0570376459	Đường bờ sông - bờ kè Tân Giang	200 m	

TT	TỌA ĐỘ Hệ tọa độ PGCM (WGS 84)		TỌA ĐỘ VN 2000	ĐỊA DANH	KHOẢNG CÁCH TỚI ĐƯỜNG BIÊN GIỚI	GHI CHÚ
	Vĩ độ bắc	Kinh độ đông				
29	22°38'49,61"	103°48'07,03"	0495376888	Đường bờ sông cuối thôn Tân Giang	200 m	
30	22°38'14,68"	103°48'39,86"	0379777777	Đường Bản Trang đi Mốc 96(2)	200 m	
31	22°37'33,58"	103°49'03,35"	0260578486	Đường Nhà máy Tuyển Đồng đi Bản Trang	200 m	
32	22°37'15,11"	103°49'08,24"	0204678610	Tỉnh lộ 156 đi Bản Trang	200 m	
IV	Xã Bát Xát					
33	22°36'27,81"	103°50'05,73"	0056380242	Thôn Bản Vược 2 đi ra bờ kè sông Hồng	200 m	
34	22°34'27,49"	103°52'02,22"	9692183612	Thôn Bản Vền ra biên giới	200 m	
35	22°33'34,23"	103°52'51,80"	9540484952	Thôn Bản Qua ra biên giới	200 m	
36	22°33'01,81"	103°54'06,49"	9479886914	Thôn Bát Xát 5 ra biên giới	200 m	
37	22°32'14,06"	103°54'40,83"	9257288069	Thôn An Quang ra biên giới	200 m	
38	22°31'49,09"	103°55'09,62"	9198388826	Thôn An Quang ra biên giới	200 m	
39	22°31'58,60"	103°55'31,48"	9245889726	Thôn An Quang ra biên giới	200 m	
40	22°31'34,85"	103°55'45,46"	9149189884	Thôn An Quang ra biên giới	200 m	Đường ra Mốc 99(2)
V	Phường Lào Cai					
41	22°31'32,98"	103°55'48,29"	9150590004	Giáp Cửa khẩu Kim Thành	100 m	
42	22°31'31,83"	103°56'07,18"	9127891435	Giáp Cửa khẩu Kim Thành	100 m	
43	22°30'56,07"	103°56'56,43"	9046291906	Gần Mốc 100(2)	100 m	
44	22°30'17,94"	103°57'42,10"	8962892536	Lối ra bờ sông biên giới	100 m	
45	22°30'35,59"	103°57'19,02"	8911093253	Ngã ba đường bờ sông biên giới	100 m	
46	22°30'20,68"	103°58'27,51"	8927694308	Ngã 3 QL 70 đi Nhà máy nước	100 m	
47	22°30'36,88"	103°58'13,93"	8977793924	Đầu trạm Hội ngộ hội đàm	100 m	
48	22°32'43,61"	104°00'55,07"	9360998773	Tổ 42 Bản Phiệt ra biên giới	100 m	
VI	Xã Bản Lầu					
49	22°34'05,17"	104°00'56,40"	9924999378	Đường liên xã Bản Lầu	100 m	
50	22°35'58,04"	104°01'19,21"	0093499895	Đầu đường đi thôn Na Lốc	100 m	
51	22°36'44,34"	104°01'33,50"	0211499995	Đầu đường đi thôn Cốc Phuong	100 m	
52	22°37'00,07"	104°01'37,33"	0189099719	Tỉnh lộ 154 đi mốc 111(3)	100 m	
53	22°37'05,97"	104°01'36,90"	0194999912	Đường đi mốc 111(2)	100 m	
54	22°37'22,83"	104°01'36,98"	0371200631	Tỉnh lộ 154 đi mốc 112	100 m	
55	22°38'17,94"	104°01'54,95"	0391300330	Đường tuần tra đi mốc 117	100 m	
VII	Xã Mường Khương					
56	22°41'29,26"	104°01'54,00"	0979100311	Đường từ Gia Khâu B đi Mốc 126	300 m	
57	22°41'44,10"	104°02'09,00"	1042100752	Đường đi Mốc 127	300 m	
58	22°42'51,19"	104°02'30,34"	1232701438	Đường đi Mốc 128	300 m	
59	22°44'21,30"	104°03'18,02"	1500802896	Đường đi Mốc 130	300 m	
60	22°45'13,79"	104°04'02,00"	1642104358	Đường đi Mốc 133	300 m	
61	22°45'37,26"	104°04'52,86"	2197509093	Thôn Dê Chú Thàng đi Mốc 136	300 m	
62	22°45'53,38"	104°05'14,28"	2157307979	Thôn Dê Chú Thàng đi Mốc 137	300 m	

TT	TỌA ĐỘ Hệ tọa độ PGCM (WGS 84)		TỌA ĐỘ VN 2000	ĐỊA DANH	KHOẢNG CÁCH TỚI ĐƯỜNG BIÊN GIỚI	GHI CHÚ
	Vĩ độ bắc	Kinh độ đông				
63	22°47'08,72"	104°05'52,68"	2024607150	Thôn Choán Ván đi Mốc 138	300 m	
64	22°47'52,19"	104°06'32,78"	1777006233	Thôn Chúng Trãi B đi Mốc 139	300 m	
65	22°48'31,90"	104°07'17,93"	1738405535	Thôn Chúng Trãi B đi Mốc 143	300 m	
66	22°48'30,71"	104°09'21,12"	2278913561	Thôn Sáo Tùng đi Mốc 147	300 m	
67	22°48'39,89"	104°09'25,28"	2262113485	Thôn Sáo Tùng đi Mốc 148	300 m	
68	22°49'00,60"	104°10'14,11"	2368414935	Thôn Sáo Tùng	300 m	
VIII	Xã Pha Long					
69	22°48'59,96"	104°10'40,34"	2360414842	Thôn Bàn Phở	400 m	
70	22°49'09,83"	104°11'19,16"	2338716889	Đường tuần tra- thôn Sín Chải	400 m	
71	22°49'23,94"	104°11'43,50"	2384217107	Đường tuần tra- thôn Sín Chải	400 m	
72	22°49'38,03"	104°13'24,61"	2437920065	Đường tuần tra- thôn Sín Chải	400 m	
73	22°50'09,63"	104°15'55,36"	2557324573	Đường tuần tra đi Mốc 166	400 m	
74	22°49'34,18"	104°16'06,17"	2458724593	Đường tuần tra đi Mốc 167	400 m	
75	22°47'07,61"	104°15'13,47"	2140623708	Đường tuần tra đi Mốc 168(2)	400 m	
76	22°48'28,04"	104°15'35,79"	1889122917	Đường ra biên giới	400 m	
77	22°45'53,82"	104°15'21,03"	1779423339	Đường đi Mốc 169(2)	400 m	
78	22°44'32,14"	104°15'58,76"	1539024442	Đường đi Mốc 170 (3)	400 m	
IX	Xã Si Ma Cai					
79	22°43'34,34"	104°19'25,08"	1348930368	Thôn Hóa Chư Phùng	400 m	
80	22°43'41,66"	104°19'27,87"	1369330419	Thôn Hóa Chư Phùng	400 m	
81	22°43'09,51"	104°20'00,91"	1274431267	Thôn Lù Dì Sán đi biên giới	200 m	
82	22°42'39,06"	104°20'20,94"	1174531942	Thôn Lù Dì Sán tiếp giáp tỉnh Tuyên Quang	200 m	